ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160 /BC-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO
Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 (chính thức)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2021; Trên cơ sở số liệu giải ngân của Kho bạc nhà nước, UBND tỉnh báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 (chính thức) như sau:

I. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021

Tổng kế hoạch vốn năm 2021 đã giao là 5.512 tỷ 255 triệu đồng. Thực hiện giải ngân năm 2021 đến ngày 31/01/2022 là 5.192 tỷ 907 triệu đồng, đạt 145% so với chỉ tiêu trung ương giao (trung ương giao 3.590 tỷ 587 triệu đồng) và đạt 94,21% so với kế hoạch tỉnh giao, bao gồm:

1. Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 1.100 tỷ 647 triệu đồng, giải ngân năm 2021 là 1.035 tỷ 108 triệu đồng, đạt 94% kế hoạch, trong đó:

- Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 900 tỷ 647 triệu đồng, giải ngân là 865 tỷ 924 triệu đồng, đạt 96,1% kế hoạch.

- Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn giao 200 tỷ đồng, giải ngân là 169 tỷ 184 triệu đồng, đạt 84,8% kế hoạch.

2. Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 4.411 tỷ 608 triệu đồng, giải ngân năm 2021 là 4.157 tỷ 455 triệu đồng, đạt 94,2% kế hoạch, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 495 tỷ 861 triệu đồng, giải ngân là 475 tỷ 200 triệu đồng, đạt 92,2% kế hoạch.

- Nguồn tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 3.041 tỷ 832 triệu đồng, giải ngân là 2.898 tỷ 023 triệu đồng, đạt 95,3% kế hoạch.

- Vốn XSKT: Kế hoạch vốn giao 760 tỷ 415 triệu đồng, giải ngân là 709 tỷ 787 triệu đồng, đạt 93,3% kế hoạch.

- Vốn hỗ trợ của TP. HCM: Kế hoạch vốn giao 20 tỷ đồng, giải ngân là 20 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 93 tỷ 500 triệu đồng, giải ngân là 80 tỷ 443 triệu đồng, đạt 86% kế hoạch.

3. Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực:

- Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư như sau: Huyện Hớn Quản 98,2%; huyện Bù Đăng đạt 97,2%; huyện Bù Đốp đạt 96,4%; thị xã Bình Long đạt 95,4%; Ban QLDA ĐTXD tỉnh đạt 95,3%; huyện Lộc Ninh đạt 95,2%; thị xã Phước Long đạt 94%; huyện Chơn Thành đạt 93,1%; thành phố Đồng Xoài đạt 93,2%; huyện Bù Gia Mập đạt 94,9%; huyện Phú Riềng đạt 87,5%; huyện Đồng Phú đạt 85,8%.

- Kết quả giải ngân phân theo chương trình: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 97%; Chương trình MTQG nông thôn mới đạt 92,8%.

- Kết quả giải ngân phân theo ngành, lĩnh vực: Y tế đạt 99,5%; Công nghiệp đạt 96,8%; Văn hóa xã hội đạt 95,1%; Giao thông, vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 94,2%; Quốc phòng, An ninh đạt 92,7%; Giáo dục và Đào tạo đạt 91,6%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 90,7%; Quản lý nhà nước đạt 88,5%.

(Kèm theo biểu 1, biểu 2, biểu 3 và biểu 4)

II. Đánh giá chung và nguyên nhân

1. Đánh giá chung:

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh đạt khá cao, đạt 145% so với chỉ tiêu trung ương giao và đạt 94,21% so với kế hoạch tỉnh giao, cao hơn so với năm 2020 là gần 10% (tỷ lệ giải ngân năm 2020 là 84,84%). Một số đơn vị có tỷ lệ giải ngân đạt cao như huyện: Hớn Quản 98,2%; Bù Đăng đạt 97,2%; Bù Đốp đạt 96,4%. Bên cạnh đó, còn một số đơn vị giải ngân đạt thấp như huyện Phú Riềng đạt 87,5%, huyện Đồng Phú đạt 85,8%.

2. Nguyên nhân:

Đạt được kết quả nêu trên là do có sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các chủ đầu tư và vai trò tham mưu tích cực của Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhất là trong năm đã tham mưu thành lập 03 tổ kiểm tra, đôn đốc, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; tham mưu UBND tỉnh duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên về giải ngân vốn đầu tư công đối với các huyện, thị xã, thành phố và Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh; tổ chức giao ban nội bộ của Sở Kế hoạch và Đầu tư với phòng Tài chính kế hoạch và Ban QLDA các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi sát sao tiến độ thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh vốn cuối năm; thành lập nhóm Zalo báo cáo giải ngân vốn đầu tư công hằng ngày trên Zalo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

3. Hạn chế:

(1) Mặc dù kế hoạch vốn năm 2021 đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2020 nhưng một số dự án chưa đảm bảo thủ tục, phải giao chi tiết kế hoạch vốn làm 3 đợt (vì phải chờ quyết định phê duyệt dự án); công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; triển khai đấu thầu lựa chọn nhà thầu và khởi công một số dự án khởi công mới năm 2021 chậm.

(2) Một số dự án vướng công tác GPMB như: Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam; Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I; Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú; Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)….

Trên đây là kết quả thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (chính thức), Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- TTTU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, KBNN tỉnh;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BIỂU 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 160 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2021		Thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)			Ghi chú
		TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		
					TW giao	Tỉnh giao	
	TỔNG SỐ	**3.590.587**	**5.512.255**	**5.192.907**	**145**	**94,21**	
I	**Vốn ngân sách trung ương**	**1.100.647**	**1.100.647**	**1.035.108**	**94**	**94,0**	
1	Các chương trình mục tiêu	900.647	900.647	865.924	96,1	96,1	
2	Vốn nước ngoài	200.000	200.000	169.184	84,6	84,6	
II	**Vốn ngân sách địa phương**	**2.489.940**	**4.411.608**	**4.157.799**	**167**	**94,2**	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	495.861	456.607	96	92,1	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.200.000	3.041.832	2.890.887	241	95,0	
3	Đầu tư tư nguồn thu Xổ số kiến thiết	700.000	760.415	710.008	101	93,4	
4	Vốn hỗ trợ của TP. HCM		20.000	20.000		100,0	
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	93.500	80.297	72	85,9	

BIỂU 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 160 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
	Tổng số	**5.512.255**	**900.647**	**495.861**	**3.041.832**	**760.415**	**20.000**	**93.500**	**200.000**	**5.179.949**	**5.192.907**	**94,21**
A	**Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố**	**1.906.626**	**-**	**304.221**	**1.393.470**	**208.935**	**-**	**-**	**-**	**1.739.836**	**1.739.836**	**91,3**
1	**Thành phố Đồng Xoài**	**195.680**		**28.000**	**161.680**	**6.000**				**169.862**	**169.862**	**86,8**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	48.504			48.504							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	6.000				6.000				5.559	5.559	
2	**Thị xã Bình Long**	**68.990**		**23.900**	**42.000**	**3.090**				**63.918**	**63.918**	**92,6**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.600			12.600							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	2.500				2.500				1.125	1.125	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	590				590						
3	**Thị xã Phước Long**	**119.500**		**21.500**	**95.000**	**3.000**				**107.670**	**107.670**	**90,1**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	28.500			28.500							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	3.000				3.000				2.972	2.972	
4	**Huyện Đồng Phú**	**144.497**		**30.021**	**88.000**	**26.476**				**107.612**	**107.612**	**74,5**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	26.400			26.400							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	25.937		21		25.916				23.785	23.785	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	560				560				**559**	559	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
5	**Huyện Bù Đăng**	**227.620,5**		**30.000**	**130.519,0**	**67.101,5**				**218.974**	**218.974**	**96,2**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	21.600			21.600							
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	*35.000*				*35.000*				*35.000*	*35.000*	
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	73.038			58.519	14.519				66.829	66.829	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	17.582,5				17.582,5				15.263	15.263	
6	**Huyện Bù Gia Mập**	**146.534**		**24.500**	**67.638**	**54.396**				**135.424**	**135.424**	**92,4**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.800			10.800							
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000				16.200	16.200	
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	31.638			31.638					28.159	28.159	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	33.396				33.396				32.738	32.738	
7	**Huyện Chơn Thành**	**211.946**		**25.700**	**186.246**	**-**				**211.483**	**211.483**	**99,8**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	54.224			54.224							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	5.500			5.500					5.500	5.500	
8	**Huyện Hớn Quản**	**167.748**		**24.600**	**138.648**	**4.500**				**163.375**	**163.375**	**97,4**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	24.600			24.600							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	56.648			56.648					54.953	54.953	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	4.500				4.500				4.484	4.484	
9	**Huyện Lộc Ninh**	**293.648,5**		**44.400**	**236.480**	**12.768,5**				**273.905**	**273.905**	**93,3**

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	57.000			57.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	58.480		12.000	46.480					57.698	57.698	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	12.768,5				12.768,5				12.616	12.616	
10	**Huyện Bù Đốp**	**103.871,5**		**22.300**	**53.386,0**	**28.185,5**				**97.189**	**97.189**	**93,6**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.200			10.200							
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000				21.000	21.000	
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	19.386			19.386					19.386	19.386	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	7.185,5				7.186				7.049	7.049	
11	**Huyện Phú Riềng**	**226.590,5**		**29.300**	**193.873,0**	**3.417,5**				**190.424**	**190.424**	**84,0**
	Trong đó:	-										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	43.800			43.800							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	53.873		6.000	47.873					39.653	39.653	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	3.417,5				3.417,5				3.402	3.402	
B	**Vốn thực hiện dự án**	**3.605.629**	**900.647**	**191.640**	**1.648.362**	**551.480**	**20.000**	**93.500**	**200.000**	**3.440.113**	**3.460.725**	**96,0**
I	**Ban QLDA ĐTXD tỉnh**	**2.006.699**	**830.647**	**41.640**	**606.829**	**234.083**	**-**	**93.500**	**200.000**	**1.892.436**	**1.913.048**	**-**
	Dự án chuyển tiếp	**1.546.347**	**830.647**	**-**	**292.500**	**129.700**	**-**	**93.500**	**200.000**	**1.436.730**	**1.436.730**	
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	100.000	100.000							68.994	68.994	
2	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	355.647	355.647							335.647	335.647	
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	221.000	221.000							221.000	221.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
4	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	10.000	10.000							10.000	10.000	
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	41.876	41.876							41.876	41.876	
6	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	63.690	63.690							63.690	63.690	
7	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	8.000	8.000							8.000	8.000	
8	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	15.000			15.000					15.000	15.000	
9	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	100			100					82	82	
10	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	800			800							
11	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	30.600			30.600					30.600	30.600	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
12	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	26.300			26.300					26.300	26.300	
13	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	73.600			73.600					73.600	73.600	
14	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến QL14C	15.800			15.800					15.800	15.800	
15	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	22.000			22.000					11.868	11.868	
16	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	82.000			82.000					82.000	82.000	
17	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	16.300			16.300					16.300	16.300	
18	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	303.500			10.000			93.500	200.000	259.627	259.627	
19	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	28.200				28.200				28.200	28.200	
20	Xây dựng cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	16.000				16.000				15.930	15.930	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
21	Xây dựng trường cao đẳng Bình Phước	60.000				60.000				59.999	59.999	
22	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25.500				25.500				25.500	25.500	
23	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	3.712	3.712									
24	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	2.722	2.722							2.722	2.722	
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	4.966	4.966							4.961	4.961	
26	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	3.626	3.626							3.626	3.626	
27	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	7.408	7.408							7.408	7.408	
28	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	8.000	8.000							8.000	8.000	
	Dự án khởi công mới	**425.160**	**-**	**41.640**	**279.423**	**104.097**	**-**	**-**	**-**	**425.000**	**425.000**	**-**
29	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	14.400			14.400					14.400	14.400	
30	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	21.000			21.000					20.999	20.999	
31	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	26.300			19.503	6.797				26.300	26.300	
32	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	260			260					241	241	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
33	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	84.000			84.000					84.000	84.000	
34	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nàm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nàm)	34.000			34.000					34.000	34.000	
35	Xây dựng cầu dân sinh	75.000		41.640	33.360					75.000	75.000	
36	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	21.700			21.700					21.700	21.700	
37	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	50.200			50.200					50.200	50.200	
38	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1.000			1.000					1.000	1.000	
39	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	13.500				13.500				13.360	13.360	
40	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	20.000				20.000				20.000	20.000	
41	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục sáng tạo tỉnh	-										
41	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	63.800				63.800				63.800	63.800	
	Tất toán các công trình quyết toán	**4.598**	**-**	**-**	**4.312**	**286**	**-**	**-**	**-**	**4.422**	**4.422**	
42	Kênh thoát nước T2 khu vực trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	120			120					119	119	
43	Cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh, hạng mục Chi phí chuẩn bị và xây dựng tuyến kênh N2									-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
44	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi M26, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	74				74				73	73	
45	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương, huyện Hớn Quản	99				99				99	99	
46	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Sa Cát, thị xã Bình Long	113				113				112	112	
47	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, hạng mục Xây dựng đường và hệ thống thoát nước mưa đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, đường 14A, đường số 7 (N2), một đoạn đường Hàm Nghi và đường số 7 (N1) đoạn từ Km0+340 đến cuối tuyến	1.454			1.454					1.399	1.399	
48	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết	1.817			1.817					1.817	1.817	
49	Cấp nước sinh hoạt tập trung khu trung tâm xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	14			14					-		
50	Cấp nước sinh hoạt xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	83			83					6	6	
51	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ xã Long Hà	3			3					2	2	
52	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Tân Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	3			3					2	2	
53	Sửa chữa Trạm bơm Đăng Hà, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	4			4					4	4	
54	Sửa chữa hệ thống kênh thuộc Trạm bơm Đăng Hà	5			5					4	4	
55	Đường điện khu TĐC 80 ha (Phần phát sinh) - DA Thủy lợi Phước Hòa	178			178					178	178	
56	Đường điện khu TĐC 10 ha (Phần phát sinh) -DA Thủy lợi Phước Hòa	22			22					22	22	
57	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Nha Bích, huyện Chơn Thành	49			49					48	48	
58	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Phước Tín, thị xã Bình Long	35			35					35	35	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
59	Đắp đập dâng (tạm) trên suối Ba Veng	71			71					70	70	
60	Sửa chữa các máy bơm ly tâm cũ Trạm bơm Đăng Hà, huyện Bù Đăng	9			9					9	9	
61	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn, huyện Bù Đăng	81			81					80	80	
62	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	38			38					37	37	
63	Nâng cấp tuyến kênh tưới sau đập dâng Tôn Lê Chàm, huyện Lộc Ninh	11			11					10	10	
64	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	41			41					25	25	
65	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT liên xã Bù Nho - Long Tân, huyện Phú Riềng	98			98					98	98	
66	Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước tập trung Rừng Cấm, xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh	75			75					74	74	
67	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn, huyện Bù Đăng	73			73					72	72	
68	Tràn xả lũ, kết hợp cầu giao thông nội bộ và cổng xả bùn cát tại di tích căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam 1072-1975	27			27					27	27	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**30.594**	-	-	**30.594**	-	-	-	-	**26.284**	**26.284**	-
69	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam QL14)	200			200							
70	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước	1.500			1.500					380	380	
71	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	1.882			1.882					1.047	1.047	
72	Xây dựng các đường kết nối QL 14 với các hồ bậc thang Suối Cam	660			660					660	660	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
73	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước)	1.320			1.320					1.320	1.320	
74	Xây dựng đường kết nối các khu CN khu vực huyện Chơn Thành	880			880					758	758	
75	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mần non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	1.320			1.320					1.320	1.320	
76	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	528			528					528	528	
77	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	352			352					352	352	
78	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	352			352					352	352	
79	Đường cao tốc TPHCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	200			200					-		
80	Xây dựng đường kết nối từ ấp dên dên thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	440			440					440	440	
81	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	968			968					499	499	
82	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	836			836					836	836	
83	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	352			352					352	352	
84	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	732			732					732	732	
85	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3.000			3.000					3.000	3.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
86	Đường từ QL14 xã Minh Thắng đi sân bay Tecnich	950			950					950	950	
87	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi TX Phước Long	1.760			1.760					1.760	1.760	
88	Xây dựng đường vành đai ngoài các khu công nghiệp TP. Đồng Xoài	299			299					-		
89	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú TP. Đồng Xoài	1.700			1.700					1.108	1.108	
90	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	2.200			2.200					2.200	2.200	
91	Nâng cấp Trung tâm y tế thị xã Phước Long	220			220					220	220	
92	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	220			220					220	220	
93	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đắk Woa huyện Bù Đăng	607			607					606	606	
94	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	1.500			1.500					1.500	1.500	
95	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	2.650			2.650					2.650	2.650	
96	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	968			968					966	966	
97	khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	634			634					428	428	
98	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	440			440					440	440	
99	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài	264			264					-		
100	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	660			660					660	660	
II	**Thành phố Đồng Xoài**	**258.491**	**70.000**	**-**	**188.139**	**352**	**-**	**-**	**-**	**253.266**	**253.266**	**98,0**
	Dự án chuyển tiếp	**195.000**	**70.000**	**-**	**125.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**191.413**	**191.413**	**-**
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	25.000			25.000					21.413	21.413	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
2	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạp vét hồ Suối Cam	100.000			100.000					100.000	100.000	
3	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	70.000	70.000							70.000	70.000	
	Dự án khởi công mới	**60.000**	-	-	**60.000**	-	-	-	-	**60.000**	**60.000**	
4	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	45.000			45.000					45.000	45.000	
5	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	15.000			15.000					15.000	15.000	
	Tất toán các công trình quyết toán	**1.533**	-	-	**1.181**	**352**	-	-	-	**334**	**334**	
7	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng)	1.181			1.181					-		
8	Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chến thắng Đồng Xoài (Hạng mục: Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Cải tạo sửa chữa Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Giải tỏa, đền bù)	96				96				95	95	
9	Đường vào ấp Bưng Sê (đoạn từ quốc lộ 14 đến cầu Thuận Phú), thị xã Đồng Xoài	256				256				239	239	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**1.958**	-	-	**1.958**	-	-	-	-	**1.519**	**1.519**	
10	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	352			352					163	163	
11	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	286			286					286	286	
12	Xây dựng đường vành Đai thành phố Đồng Xoài từ Khu công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ	1.320			1.320					1.070	1.070	
III	**Thị xã Phước Long**	**79.000**	-	-	**79.000**	-	-	-	-	**79.000**	**79.000**	**100,0**
	Dự án khởi công mới	**79.000**	-	-	**79.000**	-	-	-	-	**79.000**	**79.000**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	39.000			39.000					39.000	39.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	40.000			40.000					40.000	40.000	
IV	**Thị xã Bình Long**	**68.612**	-	-	**31.760**	**36.852**	-	-	-	**67.312**	**67.312**	**98,1**
	Dự án chuyển tiếp	**6.800**	-	-	**6.800**	-	-	-	-	**6.800**	**6.800**	
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	6.800			6.800					6.800	6.800	
	Dự án khởi công mới	**59.300**	-	-	**24.300**	**35.000**	-	-	-	**58.737**	**58.737**	
2	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	24.300			24.300					23.950	23.950	
3	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000				34.787	34.787	
	Tất toán các công trình quyết toán	**1.852**	-	-	-	**1.852**	-	-	-	**1.775**	**1.775**	
4	Trường mẫu giáo Thanh Lương, thị xã Bình Long	1.852				1.852				1.775	1.775	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**660**	-	-	**660**	-	-	-	-	-	-	
5	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	660			660							
V	**Huyện Chơn Thành**	**85.409**	-	-	**74.595**	**10.814**	-	-	-	**65.286**	**65.286**	**76,4**
	Dự án chuyển tiếp	**37.700**	-	-	**37.700**	-	-	-	-	**22.957**	**22.957**	
1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	37.700			37.700					22.957	22.957	
	Dự án khởi công mới	**45.895**	-	-	**36.895**	**9.000**	-	-	-	**40.515**	**40.515**	
2	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	895			895							
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000			36.000					36.000	36.000	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường trung học phổ thông Nguyễn Bỉnh Khiêm	9.000				9.000				4.515	4.515	
	Tất toán các công trình quyết toán	**1.814**	-	-	-	**1.814**	-	-	-	**1.814**	**1.814**	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
5	Trường Mầm non Tuổi thơ xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	1.814				1.814				1.814	1.814	
VI	**Huyện Hớn Quản**	**79.044**	-	-	**77.264**	**1.780**	-	-	-	**79.025**	**79.025**	**100**
	Dự án khởi công mới	**72.000**	-	-	**72.000**	-	-	-	-	**71.988**	**71.988**	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	25.000			25.000					25.000	25.000	
2	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	15.000			15.000					15.000	15.000	
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	10.000			10.000					10.000	10.000	
4	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	22.000			22.000					21.988	21.988	
	Tất toán các công trình quyết toán	**6.560**	-	-	**4.780**	**1.780**	-	-	-	**6.553**	**6.553**	
5	Trường tiểu học Tân Khai A, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	1.780				1.780				1.773	1.773	
6	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	4.780			4.780					4.780	4.780	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**484**	-	-	**484**	-	-	-	-	**484**	**484**	
7	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	484			484					484	484	
VII	**Huyện Đồng Phú**	**124.326**	-	-	**121.000**	**3.326**	-	-	-	**122.912**	**122.912**	**98,9**
	Dự án khởi công mới	**121.000**	-	-	**121.000**	-	-	-	-	**119.611**	**119.611**	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	100.000			100.000					100.000	100.000	
2	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	5.000			5.000					3.632	3.632	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
3	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	10.000			10.000					9.979	9.979	
4	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	6.000			6.000					6.000	6.000	
	Tất toán các công trình quyết toán	**3.326**	-	-	-	**3.326**	-	-	-	**3.301**	**3.301**	
5	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	3.326				3.326				3.301	3.301	
VIII	**Huyện Bù Đăng**	**82.035**	-	-	**39.035**	**43.000**	-	-	-	**82.014**	**82.014**	**100**
	Dự án khởi công mới	**79.000**	-	-	**36.000**	**43.000**	-	-	-	**78.979**	**78.979**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	30.000			30.000					30.000	30.000	
2	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	3.000			3.000					3.000	3.000	
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	3.000			3.000					3.000	3.000	
4	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	20.000				20.000				20.000	20.000	
5	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	11.000				11.000				11.000	11.000	
6	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	6.000				6.000				5.979	5.979	
7	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	6.000				6.000				6.000	6.000	
	Tất toán các công trình quyết toán	**3.035**	-	-	**3.035**	-	-	-	-	**3.035**	**3.035**	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
8	Xây dựng đường vào Thác Đứng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	3.035			3.035					3.035	3.035	
IX	**Huyện Lộc Ninh**	**133.600**	**-**	**-**	**102.600**	**31.000**	**-**	**-**	**-**	**133.013**	**133.013**	**99,6**
	Dự án chuyển tiếp	**42.600**	**-**	**-**	**42.600**	**-**	**-**	**-**	**-**	**42.600**	**42.600**	
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	42.600			42.600					42.600	42.600	
	Dự án khởi công mới	**91.000**	**-**	**-**	**60.000**	**31.000**	**-**	**-**	**-**	**90.413**	**90.413**	
2	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	60.000			60.000					59.500	59.500	
3	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	25.000				25.000				24.978	24.978	
4	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	6.000				6.000				5.935	5.935	
X	**Huyện Bù Đốp**	**112.900**	**-**	**-**	**73.900**	**39.000**	**-**	**-**	**-**	**111.706**	**111.706**	**98,9**
	Dự án chuyển tiếp	**37.900**	**-**	**-**	**37.900**	**-**	**-**	**-**	**-**	**37.856**	**37.856**	
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	37.900			37.900					37.856	37.856	
	Dự án khởi công mới	**75.000**	**-**	**-**	**36.000**	**39.000**	**-**	**-**	**-**	**73.850**	**73.850**	
2	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	26.000			26.000					26.000	26.000	
3	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	10.000			10.000					10.000	10.000	
4	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	27.000				27.000				25.850	25.850	
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	12.000				12.000				12.000	12.000	
XI	**Huyện Bù Gia Mập**	**83.870**	**-**	**-**	**16.870**	**47.000**	**20.000**	**-**	**-**	**83.329**	**83.329**	**99,4**
	Dự án khởi công mới	**83.000**	**-**	**-**	**16.000**	**47.000**	**20.000**	**-**	**-**	**82.797**	**82.797**	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ơ (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	20.000					20.000			20.000	20.000	
2	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	39.000				39.000				38.797	38.797	
3	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	8.000				8.000				8.000	8.000	
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	16.000			16.000					16.000	16.000	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**870**	-	-	**870**	-	-	-	-	**532**	**532**	
5	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn	338			338							
6	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập) đến đường QL 14C xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia mập	532			532					532	532	
XII	**Huyện Phú Riềng**	**115.041**	-	-	**80.528**	**34.513**	-	-	-	**108.550**	**108.550**	**94,4**
	Dự án chuyển tiếp	**50.000**	-	-	**50.000**	-	-	-	-	**50.000**	**50.000**	-
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	50.000			50.000					50.000	50.000	
	Dự án khởi công mới	**64.000**	-	-	**30.000**	**34.000**	-	-	-	**57.509**	**57.509**	-
2	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000			25.000					24.682	24.682	
3	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	25.000				25.000				24.067	24.067	
4	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	5.000			5.000					4.371	4.371	
5	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	9.000				9.000				4.389	4.389	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
	Tất toán các công trình quyết toán	**513**	**-**	**-**	**-**	**513**	**-**	**-**	**-**	**513**	**513**	
6	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình, huyện Phú Riềng	513				513				513	513	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**528**	**-**	**-**	**528**	**-**	**-**	**-**	**-**	**528**	**528**	
7	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	528			528					528	528	
XIII	**Bộ chỉ huy quân sự tỉnh**	**47.730**	**-**	**-**	**47.730**	**-**	**-**	**-**	**-**	**46.961**	**46.961**	**98**
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	9.000			9.000					8.583	8.583	
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	9.730			9.730					9.506	9.506	
3	GPMB trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	29.000			29.000					28.872	28.872	
XIV	**Công an tỉnh**	**16.334**	**-**	**-**	**16.222**	**112**	**-**	**-**	**-**	**15.433**	**15.433**	**94,5**
	Dự án chuyển tiếp	**15.200**	**-**	**-**	**15.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**14.300**	**14.300**	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	12.000			12.000					11.130	11.130	
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	3.200			3.200					3.170	3.170	
	Tất toán các công trình quyết toán	**738**	**-**	**-**	**626**	**112**	**-**	**-**	**-**	**737**	**737**	
3	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực huyện Lộc Ninh	512			512					512	512	
4	Xây dựng đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	114			114					114	114	
5	Xây dựng đồn Công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	112				112				111	111	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**396**	**-**	**-**	**396**	**-**	**-**	**-**	**-**	**396**	**396**	
6	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	154			154					154	154	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
7	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	242			242					242	242	
XV	**Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM**	**150.918**	**-**	**150.000**	**918**	**-**	**-**	**-**	**-**	**149.006**	**149.006**	**98,7**
	Dự án chuyển tiếp	**150.000**	**-**	**150.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**148.089**	**148.089**	
1	Hạ tầng các xã nông thôn mới và trả nợ mua xi măng ứng trước	150.000	-	150.000	-	-	-	-	-	148.089	148.089	
	Trả nợ mua xi măng	150.000		150.000						148.089	148.089	
	Tất toán các công trình quyết toán	**918**	**-**	**-**	**918**	**-**	**-**	**-**	**-**	**918**	**918**	
2	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017	307			307					307	307	
3	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018	312			312					312	312	
4	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016-2017	299			299					299	299	
XVI	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**	**1.198**	**-**	**-**	**-**	**1.198**	**-**	**-**	**-**	**286**	**286**	**23,9**
	Tất toán các công trình quyết toán	**1.198**	**-**	**-**	**-**	**1.198**	**-**	**-**	**-**	**286**	**286**	
1	Nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	473				473						
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Đăng	23				23						
3	Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Phú	309				309						
4	Trung tâm Giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Phước	286				286				286	286	
5	Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Gia Mập	107				107						
XVII	**Sở Y tế**	**1.772**	**-**	**-**	**-**	**1.772**	**-**	**-**	**-**	**1.605**	**1.605**	
	Tất toán các công trình quyết toán	**1.112**	**-**	**-**	**-**	**1.112**	**-**	**-**	**-**	**1.110**	**1.110**	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
1	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long	1.044				1.044				1.044	1.044	
2	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	24				24				23	23	
3	Xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	23				23				22	22	
4	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long	21				21				21	21	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**660**	-	-	-	**660**	-	-	-	**495**	**495**	
5	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	660				660				495	495	
XVIII	**Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch**	**26.303**				**26.303**				**19.996**	**19.996**	**76,0**
XIX	**Sở Giao thông Vận tải**	**36.038**	-	-	-	**36.038**	-	-	-	**35.997**	**35.997**	
	Tất toán các công trình quyết toán	**36.038**	-	-	-	**36.038**	-	-	-	**35.997**	**35.997**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ ngã ba Lộc tấn đến xã Lộc Hiệp dài 8km	19.998				19.998				19.998	19.998	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ xã Lộc Hiệp đến xã Tân Tiến huyện Bù Đốp dài 8km	16.040				16.040				15.999	15.999	
XX	**Đài PTTH tỉnh**	**10.572**	-	-	**10.572**	-	-	-	-	**10.373**	**10.373**	
	Dự án khởi công mới	**10.000**	-	-	**10.000**	-	-	-	-	**9.999**	**9.999**	
1	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	5.000			5.000					5.000	5.000	
2	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	5.000			5.000					4.999	4.999	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**572**	-	-	**572**	-	-	-	-	**374**	**374**	
3	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	572			572					374	374	
XXI	**Sở Xây dựng**	**74.400**	-	-	**74.400**	-	-	-	-	**74.000**	**74.000**	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và KDC Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	74.400			74.400					74.000	74.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021								Tình hình thực hiện giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)		
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA			
XXII	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**1.760**	-	-	-	**1.760**	-	-	-	-	-	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**1.760**	-	-		**1.760**	-	-	-	-	-	
1	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	1.760				1.760						
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025											
XXIII	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**2.217**	-	-	-	**2.217**	-	-	-	**1.607**	**1.607**	
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**2.217**	-	-	-	**2.217**	-	-	-	**1.607**	**1.607**	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	264				264				262	262	
2	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sơ dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1.953				1.953				1.345	1.345	
XXIV	**Vườn QG Bù Gia Mập**	**360**	-	-	-	**360**	-	-	-	-		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	**360**	-	-	-	**360**	-	-	-	-		
1	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	360				360						
XXV	**Liên minh hợp tác xã tỉnh**	**7.000**	-	-	**7.000**	-	-	-	-	**7.000**	**7.000**	
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	7.000			7.000					7.000	7.000	

BIỂU 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 160 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Tỷ lệ giải ngân (%)
	TỔNG CỘNG	**5.512.255**	**5.192.907**	**94,21**
1	**Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước**	**2.006.699**	**1.913.048**	**95,3**
2	**Thành Phố Đồng Xoài**	**454.171**	**423.128**	**93,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*195.680*	*169.862*	86,8
	Vốn thực hiện dự án	*258.491*	*253.266*	98,0
3	**Thị Xã Bình Long**	**137.602**	**131.230**	**95,4**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*68.990*	*63.918*	92,6
	Vốn thực hiện dự án	*68.612*	*67.312*	98,1
4	**Huyện Lộc Ninh**	**427.248,5**	**406.918**	**95,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*293.648,5*	*273.905*	93,3
	Vốn thực hiện dự án	*133.600*	*133.013*	99,6
5	**Thị Xã Phước Long**	**198.500**	**186.670**	**94,0**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*119.500*	*107.670*	90,1
	Vốn thực hiện dự án	*79.000*	*79.000*	100,0
6	**Huyện Bù Đăng**	**309.655,5**	**300.988**	**97,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*227.620,5*	*218.974*	96,2
	Vốn thực hiện dự án	*82.035*	*82.014*	100,0
7	**Huyện Đồng Phú**	**268.823**	**230.524**	**85,8**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*144.497*	*107.612*	74,5
	Vốn thực hiện dự án	*124.326*	*122.912*	98,9
8	**Huyện Chơn Thành**	**297.355**	**276.769**	**93,1**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*211.946*	*211.483*	99,8
	Vốn thực hiện dự án	*85.409*	*65.286*	76,4
9	**Huyện Bù Đốp**	**216.771,5**	**208.895**	**96,4**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*103.871,5*	*97.189*	93,6
	Vốn thực hiện dự án	*112.900*	*111.706*	98,9
10	**Huyện Hớn Quản**	**246.792**	**242.400**	**98,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*167.748*	*163.375*	97,4
	Vốn thực hiện dự án	*79.044*	*79.025*	100,0
11	**Huyện Bù Gia Mập**	**230.404**	**218.753**	**94,9**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*146.534*	*135.424*	92,4
	Vốn thực hiện dự án	*83.870*	*83.329*	99,4
12	**Huyện Phú Riềng**	**341.631,5**	**298.974**	**87,5**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*226.590,5*	*190.424*	84,0
	Vốn thực hiện dự án	*115.041*	*108.550*	94,4
13	**Các đơn vị khác**	**376.602**	**362.264**	**96,2**
13.1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	47.730	46.961	98,4
13.2	Công an tỉnh	16.334	15.433	94,5
13.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26.303	19.996	76,0
13.5	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	150.918	149.006	98,7
13.6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.198	286	23,9
13.7	Sở Y tế	1.772	1.605	90,6
13.8	Sở Giao thông Vận tải	36.038	35.997	99,9
13.9	Sở Xây dựng	74.400	74.000	99,5
13.10	Đài PTTH tỉnh	10.572	10.373	98,1
13.11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.760	-	0,0
13.12	Sở Thông tin và Truyền thông	2.217	1.607	72,5
13.13	Vườn QG Bù Gia Mập	360	-	0,0
13.14	Liên minh hợp tác xã tỉnh	7.000	7.000	100

BIỂU 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Báo cáo số 160 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành lĩnh vực	Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Tỷ lệ
1	Công nghiệp	152.807	151.968	99,5
2	Giao thông vận tải & Hạ tầng đô thị	3.399.280	3.203.083	94,2
3	Y tế	46.412	46.175	99,5
4	Giáo dục và Đào tạo	752.040	700.266	93,1
5	Văn hóa - Xã hội	167.120	160.112	95,8
6	Quốc phòng - An ninh	64.064	62.394	97,4
7	Quản lý nhà nước	178.430	158.606	88,9
8	Nông nghiệp, thủy lợi	185.181	169.654	91,6
9	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	486.918	451.626	92,8
10	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	80.000	77.611	97,0
Tổng cộng		**5.512.252**	**5.192.907**	**94,21**